|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP**

**ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và**

**hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày.. tháng.. năm 2025;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày tháng năm 2025;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số* *53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việ**t Nam* *đã* *được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số** **53/2013/NĐ-CP** **ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam**

1.Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Công ty Quản lý tài sản là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, có chức năng mua, bán, xử lý nợ và chịu sự quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.”

## Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Khách hàng vay bao gồm tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp; tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) nhận ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản.

2. Khách hàng vay còn tồn tại là khách hàng vay chưa bị thu hồi giấy phép hoạt động, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật (đối với tổ chức) hoặc chưa chết, mất tích (đối với cá nhân).”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

**“Điều 6. Cấp tín dụng đối với khách hàng vay có nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản**

Khách hàng vay có khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản và có phương án sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư khả thi được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiếp tục xem xét, cấp tín dụng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“**Điều 7. Phương thức Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

1. Mua nợ xấu của tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh) theo giá trị ghi sổ bằng trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản phát hành.

2. Mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt.

3. Căn cứ năng lực tài chính của Công ty Quản lý tài sản, hiệu quả kinh tế và điều kiện thị trường, Công ty Quản lý tài sản được mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo phương thức quy định tại khoản 2 Điều này đối với các khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này.

4. Công ty quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được mua theo giá trị thị trường.”

6**.** Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

**“Điều 8. Điều kiện đối với các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua**

1. Công ty Quản lý tài sản mua theo giá trị ghi sổ bằng trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản phát hành đối với các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Khoản nợ xấu bao gồm nợ xấu trong các hoạt động cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác cấp tín dụng và hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm;

c) Khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm phải hợp pháp và có hồ sơ, giấy tờ hợp lệ;

d) Khách hàng vay còn tồn tại;

đ) Số dư của khoản nợ xấu hoặc dư nợ xấu của khách hàng vay không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Công ty Quản lý tài sản mua theo giá trị thị trường đối với các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này;

b) Được đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ số tiền mua nợ xấu;

c) Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có khả năng phát mại hoặc khách hàng vay có triển vọng phục hồi khả năng trả nợ;

3. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể về điều kiện các khoản nợ xấu được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc Công ty Quản lý tài sản mua các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh) không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

Vốn điều lệ của Công ty Quản lý tài sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước sau khi thỏa thuận với Bộ Tài chính.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

**“Điều 14. Mua nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản**

1. Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh) theo giá trị ghi sổ số dư nợ gốc khách hàng vay chưa trả đã được khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

2. Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo giá trị thị trường trên cơ sở thỏa thuận và giá trị khoản nợ xấu được đánh giá lại.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phân bổ dần vào chi phí hoạt động phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ trừ đi giá trị mua bán của khoản nợ được mua theo giá trị thị trường và giá trị khoản dự phòng rủi ro đã trích cho chính khoản nợ được mua bán theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối tượng được phân bổ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị lỗ hoặc khi thực hiện việc phân bổ ngay phần chênh lệch này sẽ dẫn đến bị lỗ;

b) Việc phân bổ được thực hiện trong thời hạn tối đa là 05 (năm) năm từ thời điểm bán nợ. Số tiền phân bổ hàng năm không được thấp hơn chênh lệch thu chi (chưa bao gồm số tiền phân bổ).

Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc phân bổ này.

3. Tổ chức bán nợ (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) phải cung cấp cho Công ty Quản lý tài sản các thông tin, tài liệu về số dư nợ gốc và toàn bộ số lãi phải trả khách hàng vay chưa thanh toán.

4. Trường hợp mua nợ xấu theo giá trị thị trường, Công ty Quản lý tài sản đánh giá lại giá trị khoản nợ xấu trên cơ sở khả năng thu hồi vốn và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; khi cần thiết, Công ty Quản lý tài sản thuê tổ chức tư vấn định giá khoản nợ xấu và tài sản bảo đảm.

5. Tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh) có tỷ lệ nợ xấu từ 3% trở lên hoặc một tỷ lệ nợ xấu khác do Ngân hàng Nhà nước quy định không bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản được Ngân hàng Nhà nước xem xét, áp dụng các biện pháp sau đây:

a) Tiến hành thanh tra hoặc yêu cầu tổ chức tín dụng thuê công ty kiểm toán hoặc tổ chức định giá độc lập đánh giá lại chất lượng và giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ của tổ chức tín dụng đó; chi phí kiểm toán, định giá do tổ chức tín dụng thanh toán;

b) Trên cơ sở kết quả thanh tra, định giá và kiểm toán độc lập, tổ chức tín dụng phải bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản để đảm bảo tỷ lệ nợ xấu của tổ chức tín dụng ở mức an toàn; thực hiện trích lập dự phòng rủi ro và tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; cơ cấu lại tổ chức tín dụng theo phương án được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

6. Việc mua bán nợ xấu được lập thành hợp đồng và tổ chức bán nợ (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) phải thông báo bằng văn bản cho khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua bán nợ để biết và thực hiện nghĩa vụ với Công ty Quản lý tài sản.”

9**.** Bổ sung Điều 14a sau Điều 14 như sau:

**“Điều 14a. Phát hành trái phiếu để mua nợ theo giá trị thị trường**

1. Việc phát hành trái phiếu của Công ty Quản lý tài sản không phải áp dụng quy định về nguyên tắc, điều kiện phát hành, hồ sơ phát hành trái phiếu theo quy định của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và không áp dụng quy định về nguyên tắc huy động vốn theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Công ty Quản lý tài sản được phát hành trái phiếu theo các phương thức:

a) Đấu thầu phát hành;

b) Bảo lãnh phát hành;

c) Đại lý phát hành;

d) Bán trực tiếp.

3. Trái phiếu của Công ty Quản lý tài sản do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nắm giữ được sử dụng để tham gia nghiệp vụ thị trường mở và tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước.

 4. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể việc phát hành trái phiếu của Công ty Quản lý tài sản.”

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 16 như sau:

“7. Khởi kiện hoặc ủy quyền hoặc chuyển giao quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ (trừ tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh) khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm ra Tòa án; ủy quyền hoặc chuyển giao quyền cho tổ chức tín dụng bán nợ (trừ tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh) thực hiện quyền và trách nhiệm của Công ty Quản lý tài sản trong thi hành án. Khi tổ chức tín dụng được ủy quyền hoặc được chuyển giao quyền, tổ chức tín dụng có quyền khởi kiện vụ án, yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

**“Điều 19. Xử lý tiền thu hồi nợ đối với các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt**

1. Sau khi trừ đi các chi phí có liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm, số tiền thu hồi nợ thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm, khách hàng vay trả nợ, bên có nghĩa vụ trả nợ thanh toán được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ.

2. Sau khi trừ đi số tiền phải trả cho Công ty Quản lý tài sản theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 13 Nghị định này, tổ chức tín dụng bán nợ được hưởng số tiền thu hồi nợ từ các khoản nợ xấu bán cho Công ty Quản lý tài sản do khách hàng vay trả nợ; bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm thanh toán; bán nợ; bán và xử lý tài sản bảo đảm.

3. Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định tại Điều 199 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan.”

12. Bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

“4. Hướng dẫn người mua/người trúng đấu giá tài sản bảo đảm bị xử lý của khoản nợ của Công ty quản lý tài sản là dự án đầu tư (hoặc một phần của dự án đầu tư), cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về trình tự, thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm này khi được đề nghị”

13. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Điều 29 như sau:

**“Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ”**

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

“**Điều 35. Điều khoản thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công ty Quản lý tài sản; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.”

**Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP và Nghị định 18/2016/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Thay cụm từ “tổ chức tín dụng” bằng cụm từ “tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 17; các khoản 5, 7 Điều 25; khoản 3 và tiêu đề Điều 31; các khoản 1, 6 Điều 32; khoản 5 Điều 33 của Nghị định 53/2013/NĐ-CP.
2. Thay cụm từ “tổ chức tín dụng” bằng cụm từ “tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tín dụng 100% vốn nước ngoài, tổ chức tín dụng liên doanh)” tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định 53/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP.
3. Thay cụm từ “tổ chức tín dụng bán nợ” bằng cụm từ “tổ chức bán nợ (tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) tại điểm a, b, m, n khoản 1 Điều 13 của Nghị định 53/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP.
4. Thay cụm từ “khoản 2 Điều này” bằng cụm từ “khoản 2, 2a Điều này” tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định 53/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP.
5. Thay cụm từ “tài nguyên và môi trường” bằng cụm từ “nông nghiệp và môi trường” tại tiêu đề Điều 28 và khoản 3 Điều 30 của Nghị định 53/2013/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 34/2015/NĐ-CP.
6. Hủy bỏ khoản 2 Điều 20 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP

**Điều 3. Bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 34/2015/NĐ-CP và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP của Chính phủ**

1. Hủy bỏ khoản 1, 2, 5, 7, 18 Điều 1 Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.
2. Hủy bỏ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng … năm 2025

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công ty Quản lý tài sản; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- Công báo, Website Chính phủ, Website NHNN;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;- Lưu: Văn thư, KTTH. | **TM. CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG** |